

Số: 265/2025/QĐST-HNGĐ

K, ngày 23 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 219/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn Y**, sinh năm 2000

Nơi thường trú: Khu 4, xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ;

Nơi tạm trú: Căn x, huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị **Hoàng Thu H**, sinh năm 2000;

Nơi thường trú: Thôn, xã P (Nay là xã S), huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Trần Văn Y** và chị **Hoàng Thu H**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Trần Văn Y và chị Hoàng Thu H thống nhất xác định anh, chị có 01 con chung là cháu Trần N, sinh ngày 12/6/2023. Khi ly hôn, anh Y và chị H thống nhất thỏa thuận để chị H là mẹ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần N, anh Y là bố có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là 3.000.000 đồng/01tháng, thời gian đóng góp tiền nuôi con kể từ tháng 7/2025 cho đến khi con chung trưởng thành

đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

*Anh Trần Văn Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.*

**- Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**- Về án phí sơ thẩm:** Anh Trần Văn Y tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Y đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền ký hiệu: BLTU/23; số 0066105, ngày 27/5/2025, nay chuyển thành án phí, anh Y không phải nộp thêm tiền án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

-Các đương sự;  
-VKSND huyện K;  
-TAND TP. Hà Nội;  
-VKSND TP. Hà Nội;  
-THADS huyện K;  
-UBND xã Phú Thị, huyện K,  
thành phố Hà Nội (theo GCNKH;  
quyển số 06/2023);  
-Lưu HS; Vp.

**THẨM PHÁN**

**Đoàn Thành Nam**